

# PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỰ CHỦ CHO SINH VIÊN TRONG MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH: TIẾP CẬN TỪ LÝ THUYẾT TỰ QUYẾT VÀ HỌC TẬP TỰ ĐIỀU CHỈNH

Nguyễn Văn Hoàng

Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh, Trường Đại học Hải Phòng

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích cơ sở lý luận và đề xuất khung lý thuyết cho việc phát triển năng lực tự chủ của sinh viên trong môi trường giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN). Dựa trên lý thuyết tự quyết (Self-Determination Theory) và mô hình học tập tự điều chỉnh (Self-Regulated Learning), bài viết luận giải mối quan hệ biện chứng giữa kỷ luật quân sự và tự chủ cá nhân, từ đó đề xuất mô hình "Kỷ luật - Tự chủ - Phát triển" (KTP) như một khung tham chiếu cho đổi mới phương thức quản lý giáo dục tại các Trung tâm GDQP&AN. Bài viết làm rõ bốn luận điểm chính: (1) Tự chủ không đối lập với kỷ luật mà là nền tảng cho kỷ luật có ý thức; (2) Môi trường GDQP&AN có thể và cần thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản của con người; (3) Phát triển năng lực tự điều chỉnh là mục tiêu giáo dục quan trọng; (4) Chuyển đổi từ kiểm soát sang hỗ trợ tự chủ là xu hướng tất yếu của giáo dục hiện đại.

**Từ khóa:** Năng lực tự chủ, lý thuyết tự quyết, học tập tự điều chỉnh, giáo dục quốc phòng và an ninh, kỷ luật quân sự, động lực nội tại.

## DEVELOPING STUDENT AUTONOMY IN NATIONAL DEFENSE AND SECURITY EDUCATION: A SELF-DETERMINATION THEORY AND SELF-REGULATED LEARNING APPROACH

**Abstract:** This paper analyzes the theoretical foundations and proposes a conceptual framework for developing student autonomy in the National Defense and Security Education (NDSE) environment. Drawing on Self-Determination Theory (SDT) and Self-Regulated Learning (SRL) models, the paper examines the dialectical relationship between military discipline and personal autonomy, proposing the "Discipline - Autonomy - Development" (DAD) model as a reference framework for innovating educational management approaches at NDSE Centers. The paper establishes four key arguments: (1) Autonomy does not contradict discipline but serves as the foundation for conscious discipline; (2) The NDSE environment can and should satisfy the three basic psychological needs; (3) Developing self-regulation capacity is an essential educational goal; (4) Transitioning from control to autonomy support is an inevitable trend in modern education.

**Keywords:** Student autonomy; self-determination theory; self-regulated learning; national defense and security education; military discipline; intrinsic motivation.

Nhận bài: 30.12.2025

Phản biện: 22.01.2026

Duyệt đăng: 27.01.2026

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN) là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, có vai trò quan trọng trong việc giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Môi trường GDQP&AN mang đặc trưng của kỷ luật quân sự với các nguyên tắc mệnh lệnh - phục tùng, thống nhất ý chí và hành động, tổ chức chặt chẽ. Những đặc trưng này tạo nên sức mạnh của quân đội và là yêu cầu cần thiết trong rèn luyện tác phong, kỷ luật cho sinh viên.

Tuy nhiên, trong bối cảnh đổi mới giáo dục theo hướng phát triển năng lực người học, một câu hỏi quan trọng được đặt ra: Làm thế nào để môi trường GDQP&AN vừa đảm bảo kỷ luật nghiêm minh, vừa phát triển được năng lực tự chủ, khả năng tự quản lý và ý thức trách nhiệm cá nhân cho sinh viên? Nói cách khác, mục tiêu của GDQP&AN không chỉ dừng lại ở

việc tạo ra sự tuân thủ trong thời gian ngắn mà cần hướng tới việc hình thành những công dân có ý thức tự giác, chủ động trong thực hiện nghĩa vụ quốc phòng.

Từ góc độ tâm lý học giáo dục, lý thuyết tự quyết (Self-Determination Theory - SDT) và mô hình học tập tự điều chỉnh (Self-Regulated Learning - SRL) cung cấp những góc nhìn sâu sắc về mối quan hệ giữa động lực, tự chủ và hiệu quả học tập. Các lý thuyết này đã được kiểm chứng qua hàng nghìn nghiên cứu trong nhiều bối cảnh khác nhau, nhưng việc vận dụng vào môi trường có tính kỷ luật cao như GDQP&AN vẫn còn là vấn đề cần được nghiên cứu, luận giải một cách có hệ thống.

Bài viết này nhằm mục đích: (1) Phân tích và hệ thống hóa cơ sở lý luận từ SDT và SRL có thể vận dụng trong môi trường GDQP&AN; (2)

Luận giải mối quan hệ biện chứng giữa kỷ luật quân sự và tự chủ cá nhân; (3) Đề xuất khung lý thuyết "Kỷ luật - Tự chủ - Phát triển" (mô hình KTP) như nền tảng cho đổi mới phương thức quản lý giáo dục sinh viên tại các Trung tâm GDQP&AN; (4) Gợi mở các hướng nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn.

## II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Lý thuyết tự quyết

Lý thuyết tự quyết (SDT) được phát triển bởi Edward Deci và Richard Ryan từ những năm 1970, là một trong những lý thuyết vĩ mô về động lực con người có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong tâm lý học đương đại. Điểm khởi đầu của SDT là niềm tin rằng con người có xu hướng tự nhiên hướng tới sự phát triển, tích hợp và hoàn thiện bản thân - và xu hướng này có thể được thúc đẩy hoặc cản trở bởi môi trường xã hội.

Hạt nhân của SDT là ba nhu cầu tâm lý cơ bản (basic psychological needs) mà mọi người đều có và cần được thỏa mãn để phát triển lành mạnh. Nhu cầu thứ nhất là tự chủ (autonomy) - đây không phải là sự độc lập hay tự do tuyệt đối, mà là cảm giác hành vi của mình xuất phát từ bản thân, phù hợp với giá trị và lựa chọn của chính mình. Nhu cầu thứ hai là năng lực (competence) - cảm giác có khả năng tác động hiệu quả lên môi trường, hoàn thành nhiệm vụ thành công và đạt được kết quả mong muốn. Nhu cầu thứ ba là gắn kết (relatedness) - cảm giác được kết nối với người khác, được quan tâm và thuộc về một cộng đồng ý nghĩa.

SDT phân biệt các loại động lực trên một phổ liên tục từ vô động lực (amotivation) đến động lực nội tại (intrinsic motivation), với các dạng động lực bên ngoài (extrinsic motivation) nằm ở giữa. Động lực bên ngoài không đơn giản là "xấu" - nó có thể được nội hóa (internalized) ở các mức độ khác nhau. Điều chỉnh bên ngoài (external regulation) là khi hành vi được thực hiện chỉ vì phần thưởng hay để tránh hình phạt. Điều chỉnh nội nhập (introjected regulation) là khi hành vi được thực hiện vì cảm giác tội lỗi, xấu hổ hoặc muốn được chấp nhận. Điều chỉnh nhận diện (identified regulation) là khi người ta nhận ra giá trị và ý nghĩa của hành vi. Điều chỉnh tích hợp (integrated regulation) là khi hành vi hoàn toàn hòa nhập với hệ thống giá trị cá nhân.

Ý nghĩa quan trọng nhất của SDT đối với giáo dục là: thay vì dựa vào kiểm soát và ép buộc từ bên ngoài, môi trường giáo dục nên tạo điều kiện

cho quá trình nội hóa - giúp người học dần dần tiếp nhận và biến các giá trị, quy tắc thành của mình.

### 2.2. Học tập tự điều chỉnh

Học tập tự điều chỉnh (SRL) là khái niệm trung tâm trong nghiên cứu về người học chủ động và hiệu quả. Theo Zimmerman (2002), SRL là quá trình người học chủ động "kích hoạt và duy trì các nhận thức, cảm xúc và hành vi hướng đến việc đạt được mục tiêu học tập".

Mô hình SRL của Zimmerman bao gồm ba giai đoạn tuần hoàn. Giai đoạn lập kế hoạch (forethought phase) diễn ra trước khi thực hiện nhiệm vụ, bao gồm: phân tích nhiệm vụ, đặt mục tiêu cụ thể, lựa chọn chiến lược phù hợp, và hình thành niềm tin về năng lực bản thân (self-efficacy). Giai đoạn thực hiện (performance phase) diễn ra trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bao gồm: tự giám sát tiến độ và chất lượng, kiểm soát chú ý và nỗ lực, áp dụng các chiến lược đã chọn. Giai đoạn tự phản ánh (self-reflection phase) diễn ra sau khi hoàn thành, bao gồm: đánh giá kết quả so với mục tiêu, xác định nguyên nhân thành công hoặc thất bại, rút ra bài học cho tương lai.

Pintrich (2000) bổ sung rằng SRL không chỉ liên quan đến nhận thức mà còn bao gồm tự điều chỉnh động lực (duy trì hứng thú, đối phó với thất bại), tự điều chỉnh cảm xúc. Người học hiệu quả là người có khả năng điều chỉnh tất cả các khía cạnh này một cách linh hoạt theo yêu cầu của nhiệm vụ và bối cảnh.

Mối liên hệ giữa SRL và SDT nằm ở chỗ: động lực tự chủ (được SDT mô tả) là điều kiện cần thiết cho SRL hiệu quả. Khi người học chỉ hành động vì ép buộc từ bên ngoài, họ thiếu động lực để đầu tư nỗ lực vào các quá trình tự điều chỉnh đòi hỏi công sức như lập kế hoạch, tự giám sát, tự phản ánh. Ngược lại, khi người học có động lực tự chủ - hiểu và chấp nhận giá trị của việc học - họ sẵn sàng đầu tư vào SRL vì nhận thấy nó phục vụ cho mục tiêu cá nhân của mình.

### 2.3. Hỗ trợ tự chủ trong giáo dục

Hỗ trợ tự chủ (autonomy support) là phong cách giảng dạy và quản lý giáo dục nhằm thúc đẩy động lực tự chủ của người học. Reeve (2006) xác định bốn đặc điểm của phong cách hỗ trợ tự chủ: (1) Lắng nghe và tiếp nhận quan điểm của người học, tìm hiểu sở thích, nhu cầu và mối quan tâm của họ; (2) Tạo cơ hội cho người học có tiếng nói, được lựa chọn và tham gia vào quá trình ra quyết định; (3) Cung cấp lý do có ý nghĩa cho các yêu cầu và quy định, giúp người học hiểu "tại sao" chứ

không chỉ "làm gì"; (4) Công nhận cảm xúc tiêu cực của người học khi phải làm những việc không hấp dẫn, thay vì bác bỏ hoặc phớt lờ.

Đối lập với hỗ trợ tự chủ là phong cách kiểm soát (controlling style), đặc trưng bởi: áp đặt quan điểm của người dạy lên người học, sử dụng quyền lực và áp lực để thúc đẩy hành vi, không giải thích lý do, và không chấp nhận cảm xúc hay quan điểm khác biệt của người học. Nghiên cứu nhất quán cho thấy phong cách kiểm soát có thể tạo ra sự tuân thủ tức thời nhưng làm suy yếu động lực nội tại, giảm hứng thú học tập và tạo ra sự phụ thuộc vào kiểm soát từ bên ngoài.

Một hiểu lầm phổ biến cần được làm rõ: hỗ trợ tự chủ không có nghĩa là buông lỏng, không có cấu trúc, hay để người học tự do làm theo ý muốn. Jang, Reeve và Deci (2010) đã chứng minh rằng cấu trúc (structure) - tức là việc thiết lập kỳ vọng rõ ràng, cung cấp hướng dẫn cụ thể, phản hồi có tính xây dựng - không mâu thuẫn với hỗ trợ tự chủ. Ngược lại, cấu trúc được cung cấp theo cách hỗ trợ tự chủ thực sự thúc đẩy động lực và kết quả học tập tốt hơn so với cả hai cực: thiếu cấu trúc hoặc cấu trúc áp đặt theo kiểu kiểm soát.

#### **2.4. Kỷ luật quân sự và vấn đề tự chủ: Một phân tích biện chứng**

Kỷ luật quân sự thường được hiểu là hệ thống các quy định và nguyên tắc hành xử trong quân đội, đặc trưng bởi tính nghiêm minh, thống nhất và mệnh lệnh - phục tùng. Trong truyền thống quân sự, kỷ luật được coi là sức mạnh của quân đội, và sự tuân thủ tuyệt đối là yêu cầu cốt lõi.

Tuy nhiên, phân tích kỹ hơn cho thấy mối quan hệ giữa kỷ luật và tự chủ phức tạp và biện chứng hơn. Thứ nhất, cần phân biệt giữa nội dung (content) và cách thức (manner) của kỷ luật. Nội dung kỷ luật (các quy định cụ thể) có thể bắt buộc, nhưng cách thức triển khai kỷ luật có thể theo hướng hỗ trợ tự chủ hoặc kiểm soát. Một quy định như "dậy lúc 5h30" có thể được truyền đạt như một mệnh lệnh không cần giải thích (kiểm soát), hoặc được giải thích về ý nghĩa đối với sức khỏe, hiệu suất và tính chuyên nghiệp (hỗ trợ tự chủ).

Thứ hai, tự chủ trong SDT không có nghĩa là làm bất cứ điều gì mình muốn, mà là cảm giác hành vi phù hợp với giá trị của bản thân. Một người có thể hoàn toàn tự chủ khi tuân theo kỷ luật quân sự, nếu họ hiểu và chấp nhận giá trị của kỷ luật đó - coi nó như một phần của con người mình chứ không phải sự áp đặt từ bên ngoài.

Thứ ba, từ góc độ mục tiêu giáo dục, GD-

QP&AN không chỉ nhằm tạo ra sự tuân thủ trong thời gian ngắn của khóa học mà còn hướng tới việc giáo dục ý thức công dân, tinh thần trách nhiệm và sự sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc - những phẩm chất cần được duy trì suốt đời. Sự tuân thủ dựa trên sợ hãi và kiểm soát từ bên ngoài sẽ tan biến ngay khi sự kiểm soát không còn.

Do đó, có thể khẳng định: Tự chủ không đối lập với kỷ luật mà là nền tảng cho kỷ luật có ý thức. Kỷ luật có ý thức - khi người ta tuân thủ vì hiểu và chấp nhận giá trị, không phải vì sợ phạt - mạnh mẽ hơn và bền vững hơn so với kỷ luật bị áp đặt. Thách thức đặt ra cho GDQP&AN là làm thế nào để thúc đẩy quá trình nội hóa này, tạo ra kỷ luật tự giác thay vì chỉ kỷ luật bị ép buộc.

#### **2.5. Đề xuất mô hình "Kỷ luật - tự chủ - phát triển" (KTP)**

##### *2.5.1. Triết lý nền tảng của mô hình*

Mô hình "Kỷ luật - Tự chủ - Phát triển" (KTP) được xây dựng trên triết lý cốt lõi: Kỷ luật quân sự và tự chủ cá nhân không mâu thuẫn mà bổ sung cho nhau trong việc phát triển con người toàn diện. Kỷ luật cung cấp cấu trúc, trật tự và chuẩn mực; tự chủ cung cấp động lực, ý thức và sự bền vững; sự kết hợp hai yếu tố này tạo nền tảng cho phát triển năng lực và phẩm chất công dân.

Mô hình KTP định hướng chuyển đổi từ phương thức quản lý kiểm soát thuần túy (control-based) sang phương thức hỗ trợ-kiểm soát hài hòa (autonomy-supportive with structure). Điều này không có nghĩa là giảm bớt kỷ luật hay hạ thấp tiêu chuẩn, mà là thay đổi cách thức duy trì kỷ luật - từ dựa vào kiểm soát, xử phạt sang dựa vào ý thức, hiểu biết và cam kết cá nhân của sinh viên.

Ba trụ cột của mô hình tương ứng với ba thành tố trong tên gọi: Kỷ luật (Discipline) - duy trì cấu trúc rõ ràng, tiêu chuẩn cao và nhất quán, nhưng được truyền đạt theo cách hỗ trợ tự chủ; Tự chủ (Autonomy) - thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản, thúc đẩy quá trình nội hóa các giá trị và quy tắc; Phát triển (Development) - tập trung vào việc phát triển năng lực tự điều chỉnh và các phẩm chất công dân bền vững, không chỉ sự tuân thủ tức thời.

##### *2.5.2. Bốn nguyên tắc vận hành*

Nguyên tắc 1 - Cấu trúc rõ ràng kết hợp hỗ trợ tự chủ: Các quy định, yêu cầu và tiêu chuẩn được thiết lập rõ ràng, nhất quán và được thực thi nghiêm túc. Tuy nhiên, thay vì chỉ phổ biến quy định, cần giải thích ý nghĩa, mục đích và lợi ích của từng quy định đối với bản thân sinh viên và cộng đồng.

Nguyên tắc 2 - Thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản: Môi trường GDQP&AN cần được thiết kế để thỏa mãn cả ba nhu cầu mà SDT xác định. Về tự chủ: trong phạm vi các quy định bắt buộc, tạo ra những lựa chọn có ý nghĩa; khuyến khích sinh viên tự đặt mục tiêu rèn luyện cá nhân bên cạnh các yêu cầu chung. Về năng lực: cung cấp hướng dẫn rõ ràng để sinh viên biết cách đạt yêu cầu; đánh giá ghi nhận tiến bộ, không chỉ kết quả cuối cùng; phản hồi có tính xây dựng khi có sai sót. Về gắn kết: xây dựng mối quan hệ tôn trọng, quan tâm giữa cán bộ và sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên hỗ trợ lẫn nhau.

Nguyên tắc 3 - Phát triển năng lực tự điều chỉnh: Tích hợp việc dạy và thực hành các kỹ năng SRL vào chương trình. Về lập kế hoạch: hướng dẫn sinh viên đặt mục tiêu cá nhân theo nguyên tắc SMART, xác định các bước cần thực hiện. Về tự giám sát: cung cấp công cụ (như nhật ký rèn luyện) để sinh viên theo dõi tiến độ hàng ngày. Về tự phản ánh: dành thời gian cho sinh viên tự đánh giá cuối mỗi ngày/tuần, rút ra bài học kinh nghiệm.

Nguyên tắc 4 - Chuyển đổi dần dần từ kiểm soát sang tự chủ: Quá trình phát triển tự chủ cần có thời gian và được hỗ trợ theo từng giai đoạn. Giai đoạn đầu: giám sát chặt chẽ hơn kết hợp với giải thích ý nghĩa, sinh viên làm quen với kỳ vọng và tiêu chuẩn. Giai đoạn giữa: giảm dần giám sát trực tiếp với những sinh viên thể hiện tốt, tăng cơ hội tự quản lý. Giai đoạn cuối: sinh viên chịu trách nhiệm chính về việc duy trì kỷ luật, cán bộ đóng vai trò hỗ trợ và tư vấn.

### 2.5.3. Tám thành phần thực hành

Dựa trên bốn nguyên tắc trên, mô hình KTP đề xuất tám thành phần thực hành cụ thể có thể triển khai tại các Trung tâm GDQP&AN: (1) Định hướng có ý nghĩa - giải thích mục đích, ý nghĩa của từng quy định thay vì chỉ phổ biến; (2) Đặt mục tiêu cá nhân - sinh viên tự xác định 2-3 mục tiêu rèn luyện riêng; (3) Nhật ký tự giám sát - công cụ ghi chép và theo dõi tiến độ hàng ngày; (4) Phản hồi hỗ trợ - trao đổi, tìm hiểu nguyên nhân trước khi xử phạt; (5) Lựa chọn có cấu trúc - tạo những lựa chọn có ý nghĩa trong khuôn khổ quy định; (6) Quan hệ tôn trọng - phong cách giao tiếp hỗ trợ tự chủ của cán bộ; (7) Học tập đồng đẳng - sinh viên hỗ trợ và học hỏi lẫn nhau; (8) Đánh giá phát triển - ghi nhận tiến bộ, không chỉ kết quả cuối cùng.

### 2.5.4. Điều kiện đảm bảo thành công

Để mô hình KTP được triển khai hiệu quả, cần

đảm bảo một số điều kiện quan trọng. Về nhận thức: Lãnh đạo và cán bộ Trung tâm GDQP&AN cần thay đổi tư duy từ việc coi kỷ luật quân sự và tự chủ cá nhân là đối lập sang việc nhìn nhận chúng như hai yếu tố bổ sung cho nhau. Về năng lực: Cán bộ quản lý cần được đào tạo, bồi dưỡng về lý thuyết SDT và SRL, kỹ năng giao tiếp hỗ trợ tự chủ. Về tổ chức: Cần có các công cụ hỗ trợ như tài liệu định hướng, mẫu đặt mục tiêu, nhật ký rèn luyện. Về văn hóa: Cần xây dựng văn hóa tổ chức coi trọng sự phát triển của sinh viên, không chỉ sự tuân thủ.

## 2.6. Thảo luận và gợi mở

### 2.6.1. Ý nghĩa lý luận của mô hình KTP

Mô hình KTP đóng góp vào việc mở rộng phạm vi áp dụng của lý thuyết SDT và SRL vào bối cảnh đặc thù - môi trường có tính kỷ luật cao như GDQP&AN. Mô hình cho thấy các lý thuyết này không chỉ phù hợp với môi trường giáo dục "mềm" mà có thể được điều chỉnh để áp dụng trong môi trường "cứng" hơn, miễn là được hiểu và vận dụng một cách có nguyên tắc.

Đóng góp quan trọng nhất của mô hình là luận giải mối quan hệ biện chứng giữa kỷ luật và tự chủ. Thay vì coi đây là hai cực đối lập, mô hình chỉ ra rằng tự chủ có thể là nền tảng cho kỷ luật có ý thức.

### 2.6.2. Hàm ý thực tiễn

Đối với các Trung tâm GDQP&AN, mô hình KTP cung cấp một khung tham chiếu để đổi mới phương thức quản lý giáo dục sinh viên. Không phải tất cả tám thành phần đều cần triển khai ngay và đồng bộ - có thể bắt đầu từ những thay đổi nhỏ như điều chỉnh cách định hướng đầu khóa, thêm phần giải thích ý nghĩa của các quy định.

Đối với cán bộ quản lý, giảng dạy, mô hình gợi mở về việc thay đổi phong cách tương tác với sinh viên. Từ vị thế "người kiểm soát" chuyển sang vị thế "người hỗ trợ phát triển" - vẫn nghiêm khắc với tiêu chuẩn nhưng tôn trọng và quan tâm đến sinh viên như những cá nhân đang trong quá trình trưởng thành.

### 2.6.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Bài viết này mang tính chất lý luận, đề xuất khung khái niệm dựa trên tổng hợp và phân tích lý thuyết. Mô hình KTP cần được kiểm chứng qua nghiên cứu thực nghiệm để đánh giá tính khả thi và hiệu quả trong thực tiễn GDQP&AN Việt Nam. Các nghiên cứu tương lai cần trả lời các câu hỏi như: Việc áp dụng mô hình KTP có làm tăng động lực tự chủ của sinh viên không? Có cải

thiện kỹ năng tự điều chỉnh không? Có tác động đến tính bền vững của các thói quen tốt sau khóa học không?

### III. KẾT LUẬN

Bài viết đã phân tích cơ sở lý luận từ lý thuyết tự quyết (SDT) và mô hình học tập tự điều chỉnh (SRL) để xây dựng khung lý thuyết cho việc phát triển năng lực tự chủ của sinh viên trong môi trường GDQP&AN. Luận điểm trung tâm của bài viết là: tự chủ không đối lập với kỷ luật mà là nền tảng cho kỷ luật có ý thức và bền vững.

Mô hình "Kỷ luật - Tự chủ - Phát triển" (KTP) được đề xuất như một khung tham chiếu cho đổi mới phương thức quản lý giáo dục tại các Trung

tâm GDQP&AN. Mô hình dựa trên bốn nguyên tắc (cấu trúc rõ ràng kết hợp hỗ trợ tự chủ, thỏa mãn ba nhu cầu tâm lý cơ bản, phát triển năng lực tự điều chỉnh, chuyển đổi dần dần từ kiểm soát sang tự chủ) và tám thành phần thực hành.

Mô hình KTP không nhằm thay thế hay làm suy yếu kỷ luật quân sự trong GDQP&AN mà hướng tới việc nâng cao chất lượng giáo dục: từ sự tuân thủ bị động, tạm thời sang kỷ luật tự giác, bền vững. Khung lý thuyết đề xuất cung cấp nền tảng cho các nghiên cứu thực nghiệm và ứng dụng thực tiễn trong tương lai, hướng tới mục tiêu giáo dục công dân có ý thức trách nhiệm, năng lực tự chủ và tinh thần sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quốc hội (2013). Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13. Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2020). Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT quy định về đào tạo giáo dục quốc phòng và an ninh. Hà Nội.
- Bộ Quốc phòng (2018). Thông tư số 01/2018/TT-BQP quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 13/2014/NĐ-CP. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Hùng (2019). Quản lý giáo dục tính kỷ luật cho sinh viên các trường đại học. Luận án tiến sĩ, ĐHQGHN.
- Hoàng Văn Tòng (2018). Quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên trong bối cảnh mới. Luận án tiến sĩ, Học viện QLGD.
- Trần Đại Nghĩa (2020). Nâng cao chất lượng GDQP&AN đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc. Tạp chí Giáo dục, số 475, tr. 1-5.
- Nguyễn Đức Thắng (2019). Đổi mới phương pháp giảng dạy GDQP&AN theo hướng phát huy tính tích cực. Tạp chí KHGD Việt Nam, số 15.